

Biểu mẫu 10

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHAN ĐĂNG LƯU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông**

Năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	813	221	220	168	204
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	744 91.51%	196 88.69%	206 93.64%	154 91.67%	188 92.16%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	62 7.63%	25 11.31%	14 6.36%	13 7.74%	10 4.90%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	07 0.86%	0	0	01 0.60%	06 2.94%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	813	221	220	168	204
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	312 38.38%	81 36.65%	62 28.18%	81 48.21%	88 43.14%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	299 36.78%	75 33.94%	91 41.36%	54 32.14%	79 38.73%

3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	201 24.72%	64 28.96%	67 30.45%	33 19.64%	37 18.14%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	01 0.12%	01 0.45%	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	813	221	220	168	204
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	812 99.88%	220 99.55%	220 100%	168 100%	204 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	744 91.51%	196 88.69%	206 93.64%	154 91.67%	188 92.16%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	62 7.63%	25 11.31%	14 6.36%	13 7.74%	10 4.90%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	01 0.12%	01 0.45%	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2/15	0/2	0/5	2/5	0/3
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	40	10	8	15	7

2	Cấp tỉnh/thành phố	3	0	0	1	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	204	0	0	0	204
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	204	0	0	0	204
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	88 43.14%	0	0	0	88 43.14%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	79 38.73%	0	0	0	79 38.73%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	37 18.14%	0	0	0	37 18.14%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	415/398	114/107	117/103	82/86	102/102
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	35	10	7	10	8

Quận 8, ngày 05 tháng 9 năm 2020



Nguyễn Văn Toại

